

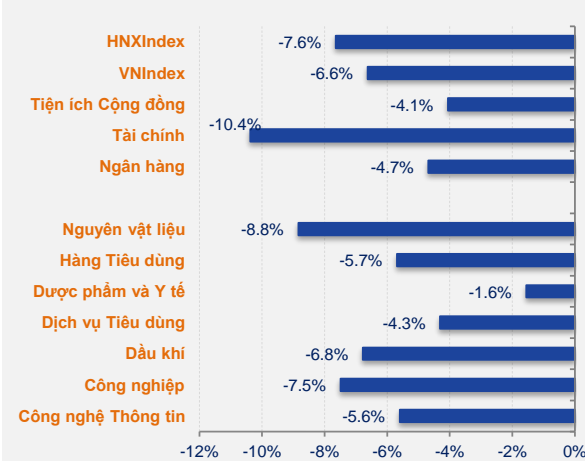


## WEEKLY WRAP

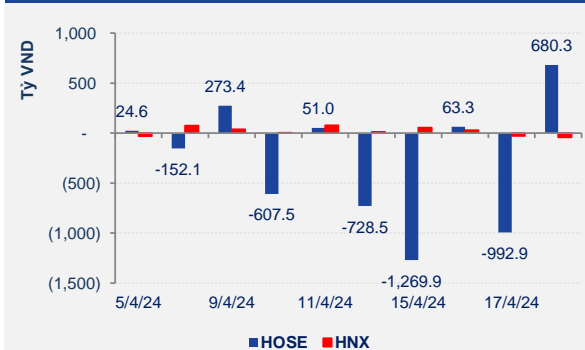
Tuần GD: 12/4/2024 - 19/4/2024

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,174.85 ↓	-6.6%	220.80 ↓	-7.6%
KLGD (trCP)	5,354.43 ↑	41.2%	599.72 ↑	27.1%
GTGD (tỷ VND)	130,601.05 ↑	36.1%	12,212.70 ↑	24.0%
Tổng cung (trCP)	11,944.50 ↑	3.4%	860.38 ↑	22.0%
Tổng cầu (trCP)	12,951.17 ↑	1.2%	753.61 ↑	20.0%
<b>Giao dịch NĐT nước ngoài</b>				
KL mua (trCP)	575.46 ↑	107.2%	17.81 ↑	55.8%
KL bán (trCP)	643.00 ↑	127.4%	16.53 ↑	87.6%
GT mua (tỷ VND)	16,596.26 ↑	94.2%	449.59 ↑	19.9%
GT bán (tỷ VND)	18,843.95 ↑	110.4%	421.73 ↑	95.4%

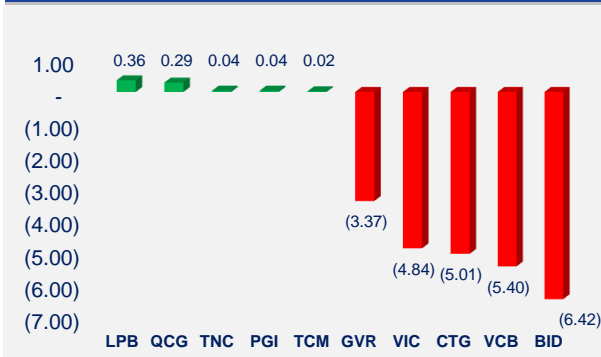
## Biến động giá Ngành theo Tuần



## Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



## Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Sau tuần phục hồi ở vùng hỗ trợ 1.245 điểm với thanh khoản suy giảm. VN-INDEX bắt đầu tuần 15-19/04/2024 với sự kiện căng thẳng địa chính trị leo thang ở khu vực Trung Đông khi Iran quyết định tấn công trả đũa Israel. Qua đó phiên đầu tuần 15/04 VNINDEX bắt đầu chịu áp lực bán mạnh khi không giữ được các giá vùng hỗ trợ mạnh quanh 1.250 điểm, xác nhận kết thúc xu hướng đầu kéo dài từ tháng 11/2023. VN-INDEX sau đó phục hồi ở quanh 1.190 điểm trong phiên tiếp theo lên vùng 1.220 điểm và vẫn tiếp tục chịu áp lực bán mạnh. Trong phiên cuối tuần VN-INDEX giảm mạnh về 1.165 điểm và phục hồi nhẹ trở lại ở mức 1.174,85 điểm, quanh đường giá trung bình MA200 phiên. Kết thúc tuần giao dịch chỉ có 04 phiên, VN-INDEX giảm mạnh 7,97% so với tuần trước với thanh khoản gia tăng. Đây là mức giảm mạnh nhất trong 01 tuần kể từ tháng 10/2022. HNX-INDEX kết thúc tuần ở mức 220,80 điểm giảm 8,51% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 130.589,27 tỉ đồng, tăng 36,1% so với tuần trước, trên mức trung bình. Cho thấy áp lực bán gia tăng mạnh, đột biến hơn ở nhiều mã/nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, tiếp tục bán ròng với giá trị 2.248,23 tỉ đồng trên HOSE; Đây là đang là chuỗi bán ròng đột biến liên tiếp của khối ngoại trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 27,86 tỉ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: GDP quý 1 của Trung Quốc tăng trưởng 5.3% so với cùng kỳ, cao hơn mức 5.4% của quý 4/2023 và dự báo 4.6% từ các chuyên gia; Chủ tịch FED Jerome Powell cho biết nền kinh tế Mỹ vẫn chưa cho thấy dấu hiệu lạm phát sẽ quay trở lại mức mục tiêu 2% của ngân hàng trung ương. Căng thẳng Trung Đông leo thang khi Iran đã tiến hành cuộc tấn công chung bằng hơn 300 tên lửa và máy bay không người lái quy mô lớn vào Israel từ đêm 13/4/2024 đến rạng sáng 14/4/2024.

Trong tuần qua, với áp lực bán mạnh hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm mạnh, thanh khoản gia tăng khá đột biến khi chỉ có 04 phiên giao dịch. Như các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán với BSI (-20,70%), FTS (-18,70%), VDS (-17,31%), VIX (-16,41%)... Các cổ phiếu ngân hàng hầu hết cũng chịu áp lực bán mạnh như CTG (-11,98%), TPB (-11,23%), NVB (-10,68%), BID (-9,46%)... ngoài LPB (+2,81%), SGB (+0,68%).

Với áp lực bán mạnh, áp lực giải chấp, giảm mạnh dự nợ margin gia tăng, các nhóm ngành khác hầu hết cũng giảm rất mạnh, thanh khoản gia tăng đột biến như các mã bất động sản với FIR (-23,45%), CEO (-21,33%), DXG (-21,21%), NHA (-19,91%)... ngoài QCG (+23,96%) tăng giá đột biến. Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến tương tự với DTD (-16,20%), KBC (-16,17%), BCM (-15,41%), VGC (-13,23%), GVR (-12,19%)...

Các nhóm ngành khác như cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực bán mạnh với CNG (-17,47%), POS (-16,48%), PVC (-13,41%), PVS (-10,70%)... ngoài PGS (-4,91%)... xây dựng, vật liệu xây dựng như DPG (-18,28%), KSB (-18,26%), HHV (-17,22%), FCN (-16,88%)... phân bón, hóa chất với LAS (-12,89%), DPM (-10,09%), BFC (-9,92%), CSV (-14,94%), DGC (-9,40%)... thủy sản, nông nghiệp như SBT (-16,02%), DBC (-15,86%), PAN (-13,53%), IDI (-12,35%), ANV (-10,84%)...

Trên thị trường phái sinh thị trường chuyển sang giao dịch kỳ hạn VN30F2405. Kết thúc tuần ở mức 1.191,7 điểm, giảm mạnh 7,33% so với tuần trước, chênh lệch âm -2,33 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh 24,54% so với tuần trước, cho thấy áp lực bán phòng ngừa rủi ro gia tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 suy giảm với hỗ trợ gần nhất quanh 1.180 điểm, tương ứng đường giá trung bình MA200 phiên, kháng cự quanh 1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 1,97 điểm đến 14,37 điểm so với VN30, cho thấy các trader đang kỳ vọng VN30 phục hồi trở lại vùng giá quanh 1.200 điểm sau tuần giảm mạnh.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 12/4/2024 - 19/4/2024

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN INDEX 1D HSX O 1173.21 H 1185.90 L 1172.07 C 1185.90 +13.09 (+1.12%)

BB 20 2 1148.72 1188.93 1108.51



Thị trường giảm điểm rất mạnh trong tuần này khi không giữ được vùng giá hỗ trợ giá cao nhất năm 2023 tương ứng quanh 1.250 điểm, đồng thời kết thúc xu hướng tăng kéo dài trong 05 tháng qua khiến cho tâm lý nhà đầu tư trở nên kém tích cực hơn bên cạnh các tin tức tiêu cực từ tình hình thế giới. Kết tuần Vn-Index giảm mạnh 101,75 điểm (-7,97%) và đóng cửa ở 1.174,85 điểm. Đây là tuần giảm giá mạnh nhất kể từ tháng 10/2022 đến nay.

Vn-Index đã quay trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và mất động lực hình thành uptrend, khả năng thị trường sẽ có xu hướng swing trong thời gian dài hơn. Chúng tôi cho rằng nếu Vn-Index vận động trong kênh nói trên thì về trung hạn đây vẫn là vận động tích lũy chứ không có nguy cơ rơi vào chu kỳ downtrend mới.

Tình hình vĩ mô trong nước đang dần có dấu hiệu khởi sắc hơn trong năm 2024 khi GDP Quý 1/2024 tăng 5,66% cao nhất trong 5 năm qua. Tuy nhiên các thông số vĩ mô vẫn chưa hoàn toàn cho thấy khởi sắc khi tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, tỷ giá tuần qua tăng và NHNN phải bán ngoại tệ để can thiệp, giá vàng biến động mạnh. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi lạm phát tại Mỹ không giảm như kỳ vọng khiến cho lộ trình hạ lãi suất của FED trở nên khó đoán trong khi căng thẳng địa chính trị tại Trung đông có dấu hiệu leo thang tác động tới tâm lý nhà đầu tư. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, bất ổn thế giới gia tăng là một phần nguyên nhân thị trường chịu áp lực điều chỉnh.

Vn-Index tiếp tục giảm điểm và rủi ro rơi về các ngưỡng sâu hơn đang gia tăng. Nhà đầu tư ngắn hạn nên tranh thủ các nhịp thị trường hồi phục để hạ tỷ trọng danh mục về mức an toàn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và có thể vận động tích lũy lại sẽ kéo dài, do đó nhà đầu tư trung hạn không nên giải ngân trong bối cảnh hiện tại mà cần kiên nhẫn chờ đợi nhịp tích lũy lại tin cậy hơn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## WEEKLY WRAP

Tuần GD:

12/4/2024

-

19/4/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	51.80	54-55	66-68	52	12.3	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	35.60	36.5-37.5	43-44	35	15.0	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	31.75	32.5-34	38-39	31	9.5	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.20	14.3-14.6	18-18.6	13.5	7.3	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	23.80	26-27	30-31	25	5.5	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	76.50	76-77	84-85	73	14.5	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.60	18.09	23-24	21	13.9%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	31.75	32	38-39	30	-0.8%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	31.20	32.2	37-38	31	-3.1%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	14.20	14.2	18-18.5	13.3	0.0%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	35.60	36.8	43-44	35	-3.3%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

**Từ hôm nay (19/4), NHNN công khai bán ngoại tệ can thiệp, tỷ giá bắt đầu hạ nhiệt**

Sáng nay (19/4), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức Họp báo Thông tin kết quả hoạt động ngân hàng quý I/2024. Phát biểu tại Hội nghị, ông Phạm Chí Quang, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ cho biết NHNN đã có biện pháp mạnh mẽ hơn để ổn định thị trường ngoại tệ: "Ngày hôm nay, trên website NHNN đã công bố phương án can thiệp ngoại tệ. Kể từ ngày hôm nay, NHNN công khai bán can thiệp ngoại tệ cho các TCTD có trạng thái ngoại tệ âm để chuyển trạng thái ngoại tệ về 0, với mức bán tỷ giá can thiệp là 25.450 đồng". Theo ông Quang, đây là biện pháp rất mạnh mẽ của NHNN nhằm đảm bảo giải tỏa tâm lý thị trường, đảm bảo nguồn cung thị trường, nguồn cung ngoại tệ thông suốt, đảm bảo đầy đủ nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế.

**Lạm phát Nhật Bản tháng 3 giảm, BOJ cảnh báo sự suy yếu "chưa có hồi kết" của đồng Yên**

Ngày 19/4, Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản công bố dữ liệu cho thấy tỷ lệ lạm phát của Nhật Bản trong tháng 3 đã giảm so với tháng trước. CPI lõi của tháng 3, không bao gồm thực phẩm tươi sống, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm so với mức 2,8% của tháng 2. CPI toàn phần tháng 3 tăng 2,7%, chậm lại so với mức tăng 5,3% của tháng 2. Trong khi đó, chỉ số siêu lõi không bao gồm giá thực phẩm tươi sống và năng lượng tăng 2,9%. Đã hai năm kể từ khi tỷ lệ lạm phát lõi của Nhật Bản lần đầu tiên vượt mục tiêu 2% của Ngân hàng Nhật Bản (BOJ). Thống đốc BOJ Kazuo Ueda cho biết tại Washington hôm thứ Năm rằng ngân hàng trung ương có thể tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Vì đồng Yên đang yếu đi và ngày càng có nhiều lo ngại về sự sụt giảm nhanh chóng của đồng tiền này.

**Tín hiệu FED cắt giảm lãi suất mờ nhạt, lợi suất trái phiếu tăng cao**

Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng cao sau khi cuộc khảo sát của FED Philadelphia cho kết quả cao hơn nhiều so với dự báo của các nhà kinh tế. Lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm ít hơn 3 điểm cơ bản lên 4,598%. Lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 2 năm ở mức 4,95% sau khi tăng 2 điểm cơ bản. Nhà đầu tư đang chờ đợi những bình luận mới từ các nhà hoạch định chính sách của FED, vì sự không chắc chắn về thời điểm và tần suất cắt giảm lãi suất trong năm nay vẫn tồn tại. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 đã tăng cao hơn dự kiến. Dự đoán về thời điểm của đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên đã lùi lại đáng kể so với thời điểm dự kiến trước đó là vào tháng 6. Nhiều quan chức FED khác sẽ đưa ra nhận xét trong những ngày cuối tuần để giúp các nhà đầu tư tìm những gợi ý mới về con đường phía trước của chính sách tiền tệ.

**IMF: Khối nợ công lớn của Mỹ đe dọa ổn định tài chính toàn cầu**

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cảnh báo về mức nợ cao và đang gia tăng của chính phủ Mỹ đe dọa đẩy tăng chi phí vay trên khắp thế giới, gây bất ổn tài chính toàn cầu. Nợ công của Mỹ ước tính đang ở mức gần 35 nghìn tỉ đô la. Lợi suất cao của trái phiếu Mỹ gây bất ổn tỷ giá ở các nước. IMF cho biết mức chi tiêu tăng, nợ công tăng kết hợp với lãi suất cao ở Mỹ khiến lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ biến động mạnh và duy trì ở mức cao. Lãi suất cao có thể dẫn đến vỡ nợ, gây tổn thất cho ngân hàng và những bên cho vay khác, làm gia tăng bất ổn tài chính.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**ĐHCD MB: Kế hoạch tăng trưởng 2024 thận trọng, an toàn, chia cổ tức tỷ lệ 20%**

Sáng ngày 19/4, Ngân hàng TMCP tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo văn kiện đại hội, phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận sau thuế năm 2023 còn lại là gần 14.774 tỷ đồng. Ngân hàng dự kiến sử dụng 10.613 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông, với hai cấu phần, tổng tỷ lệ 20%. Thứ nhất, MB sẽ dành 2.653 tỷ đồng để chia cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 5%. Thứ hai, MB cũng dành 7.959 tỷ đồng để chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%, giúp vốn điều lệ tăng thêm tương ứng. Thời gian thực hiện kế hoạch trên là trong năm 2024, theo chấp thuận của cơ quan chức năng.

**VPBank điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm tại một số kỳ hạn kể từ hôm nay 19/4**

Theo đó, ngân hàng này điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm tại kỳ hạn 1-5 tháng đối với khoản tiền gửi dưới 10 tỷ đồng, mức tăng 0,2-0,3 điểm phần trăm. Cụ thể, lãi suất tiết kiệm ở kỳ hạn 1 tháng là 2,7%/năm. Lãi suất tiết kiệm ở kỳ hạn 2-5 tháng là 3%/năm (mức lãi suất cũ là 2,4%/năm). VPBank giữ nguyên lãi suất tiết kiệm ở các kỳ hạn còn lại. Lãi suất kỳ hạn 6-11 tháng là 4,2%/năm, kỳ hạn 12-18 tháng là 4,8%/năm và kỳ hạn 24-36 tháng là 5,2%/năm. Với khoản tiền gửi từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng, VPBank cộng thêm 0,1%/năm lãi suất. Ngân hàng cũng cộng thêm 0,2%/năm lãi suất đối với tiền gửi từ 50 tỷ đồng trở lên.

**Cho vay margin của Chứng khoán Bảo Việt lập đỉnh mới**

Theo báo cáo tài chính vừa công bố, CTCP Chứng khoán Bảo Việt (BVS) ghi nhận các mảng kinh doanh chính đều tăng trưởng doanh thu đáng kể. Doanh thu hoạt động quý I đạt 236 tỷ đồng, tăng 71% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lãi từ các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) tăng 70%, lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 71%, doanh thu môi giới gấp 2 lần. Chi phí hoạt động quý I ghi nhận gần 101 tỷ đồng, tăng 83%, chủ yếu là chi phí môi giới và lỗ FVTPL. BVSC báo lãi sau thuế gần 55 tỷ đồng, gấp đôi kết quả quý I năm trước. Giá trị cho vay kỳ quỹ (margin) và ứng trước tiền bán tăng 20% sau 3 tháng đầu năm, đạt 3.856 tỷ đồng. Trong đó cho vay margin tăng 15%, đạt 3.111 tỷ đồng. Đây cũng là con số cho vay margin cao nhất công ty từng ghi nhận.

**Đất Xanh (DXG) muốn chào bán gần 244 triệu cổ phiếu, huy động hơn 3.500 tỷ đồng**

CTCP Tập đoàn Đất Xanh vừa cập nhật tài liệu hợp ĐHCD thường niên 2024 bổ sung tờ trình về 2 phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Theo đó, Đất Xanh dự kiến chào bán hơn 150 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, với giá chào bán tối thiểu là 12.000 đồng/cp. Tỷ lệ chào bán là 24:5, cổ phiếu chào bán thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Bên cạnh đó, Đất Xanh còn muốn chào bán 93,4 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với giá tối thiểu 18.600 đồng/cp. Cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Thời gian dự kiến phát hành trong năm 2024 hoặc do HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận. Nếu hoàn tất phát hành cả hai phương án trên với tổng khối lượng gần 244 triệu cổ phiếu, Đất Xanh sẽ huy động được hơn 3.500 tỷ, đồng thời nâng vốn điều lệ từ hơn 7.200 tỷ đồng lên gần 9.650 tỷ đồng.

**HOSE**
**Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GEX	5,171,951	VHM	(21,503,671)
2	SBT	5,154,637	SHB	(15,409,694)
3	VIX	4,581,973	FUEVFVND	(13,263,163)
4	EVF	4,328,621	VRE	(8,847,569)
5	ASM	3,571,889	MSB	(7,377,100)

**HNX**

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	1,303,410	TIG	(1,316,480)
2	LAS	859,300	PVS	(1,047,820)
3	SHS	702,243	PLC	(216,700)
4	TNG	426,401	TA9	(159,900)
5	IDC	336,086	HUT	(148,664)

**Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	27.15	26.60	↓ -2.03%	277,063,512
SHB	11.10	11.15	↑ 0.45%	241,240,747
NVL	17.75	14.45	↓ -18.59%	220,431,764
VIX	19.15	16.30	↓ -14.88%	208,904,273
MBB	23.75	22.70	↓ -4.42%	202,088,421

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	20.10	17.40	↓ -13.43%	182,781,704
CEO	22.30	17.70	↓ -20.63%	68,933,648
PVS	42.70	38.40	↓ -10.07%	50,731,196
MBS	29.00	25.60	↓ -11.72%	30,117,826
HUT	18.30	16.80	↓ -8.20%	27,231,157

**Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần**

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	13.50	17.85	4.4	↑ 32.22%
TTE	8.78	10.65	1.9	↑ 21.30%
TNC	50.20	56.90	6.7	↑ 13.35%
LPB	18.30	20.10	1.8	↑ 9.84%
PGI	23.55	25.20	1.7	↑ 7.01%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TKU	12.50	17.60	5.1	↑ 40.80%
ATS	7.60	10.00	2.4	↑ 31.58%
ALT	14.50	17.60	3.1	↑ 21.38%
THS	9.90	11.80	1.9	↑ 19.19%
SMT	5.10	6.00	0.9	↑ 17.65%

**Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần**

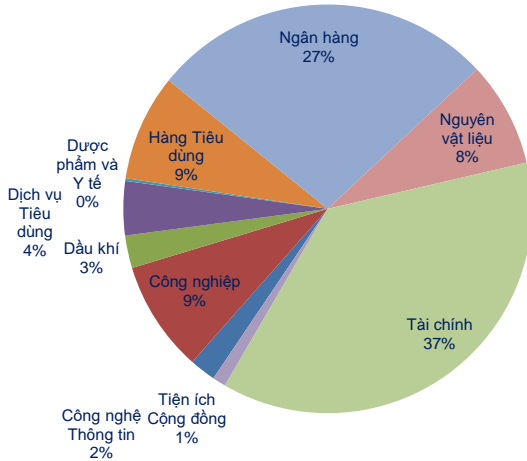
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FIR	8.61	6.56	-2.1	↓ -23.81%
ST8	9.73	7.50	-2.2	↓ -22.92%
DRH	4.64	3.66	-1.0	↓ -21.12%
AGM	5.42	4.33	-1.1	↓ -20.11%
NHA	23.00	18.50	-4.5	↓ -19.57%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	25.30	17.00	-8.3	↓ -32.81%
TKG	6.80	5.00	-1.8	↓ -26.47%
SPC	11.60	8.70	-2.9	↓ -25.00%
MCO	23.90	18.20	-5.7	↓ -23.85%
IDJ	5.70	4.40	-1.3	↓ -22.81%

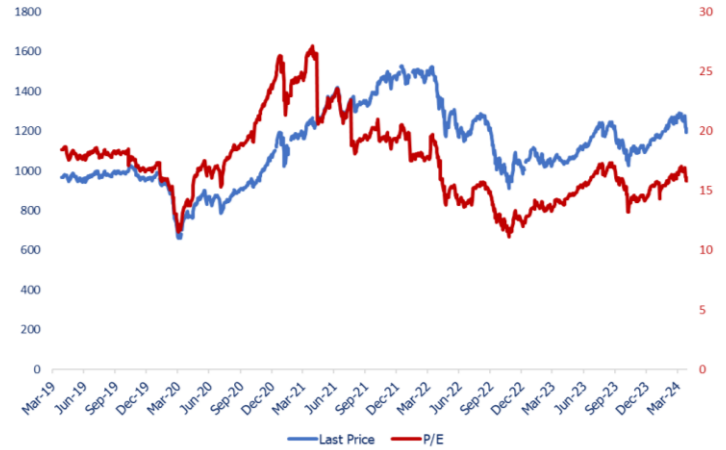
(\*) Giá điều chỉnh



## Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



## P/E và Thị Trường



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	277,063,512	24.8%	4,131	6.5	1.5
SHB	241,240,747	15.8%	2,019	5.5	0.8
NVL	220,431,764	1.3%	311	48.5	0.6
VIX	208,904,273	11.6%	1,444	11.8	1.3
MBB	202,088,421	23.5%	3,960	5.8	1.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	182,781,704	5.7%	688	27.0	1.5
CEO	68,933,648	3.0%	402	47.3	1.6
PVS	50,731,196	7.7%	2,148	18.0	1.4
MBS	30,117,826	13.0%	1,475	18.3	2.3
HUT	27,231,157	0.6%	89	193.1	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	↑ 32.2%	0.2%	27	616.4	1.1
TTE	↑ 21.3%	-0.6%	-65	-	0.9
TNC	↑ 13.3%	9.8%	1,684	33.8	3.3
LPB	↑ 9.8%	19.2%	2,594	7.7	1.5
PGI	↑ 7.0%	0.0%	0	-	1.5

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TKU	↑ 40.8%	-6.9%	-780	-	1.5
ATS	↑ 31.6%	0.5%	66	138.0	0.7
ALT	↑ 21.4%	3.2%	1,223	14.4	0.5
THS	↑ 19.2%	5.9%	874	13.5	0.9
SMT	↑ 17.6%	1.5%	201	28.9	0.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	5,171,951	1.6%	388	51.5	0.8
SBT	5,154,637	5.3%	741	15.2	0.8
VIX	4,581,973	11.6%	1,444	11.8	1.3
EVF	4,328,621	5.1%	748	18.1	1.1
ASM	3,571,889	2.5%	580	18.9	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	1,303,410	3.0%	402	47.3	1.6
LAS	859,300	10.7%	1,316	16.5	1.7
SHS	702,243	5.7%	688	27.0	1.5
TNG	426,401	12.4%	1,917	10.4	1.2
IDC	336,086	22.6%	4,223	12.9	2.9

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	505,813	22.0%	5,910	15.3	3.1
BID	274,191	18.9%	3,773	12.8	2.2
VHM	182,013	20.2%	7,664	5.5	1.0
CTG	175,599	17.0%	3,706	8.8	1.4
GAS	172,485	18.4%	5,053	14.9	2.6

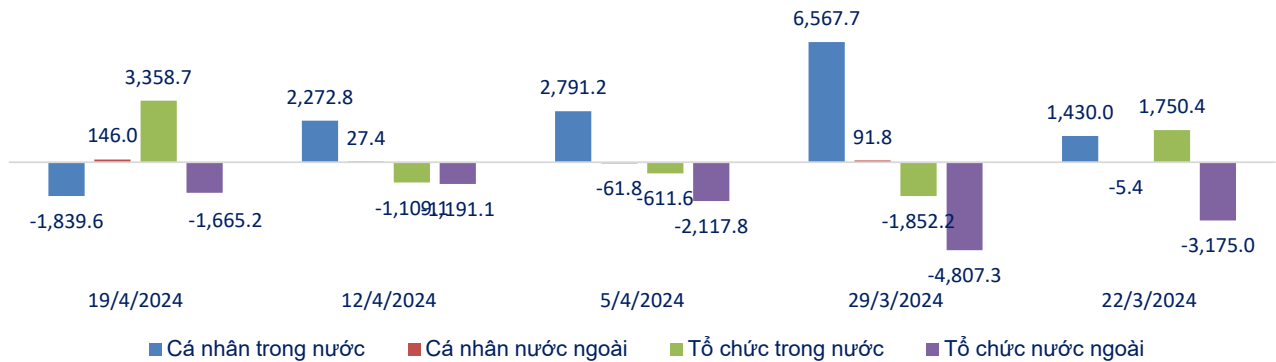
## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,449	7.7%	2,148	18.0	1.4
IDC	17,985	22.6%	4,223	12.9	2.9
HUT	15,262	0.6%	89	193.1	1.3
SHS	15,125	5.7%	688	27.0	1.5
THD	13,398	2.9%	458	75.9	2.2



## GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	664.05	20.2%	7,664	5.5	1.0
VRE	258.09	12.4%	1,940	11.3	1.4
STB	221.54	18.3%	4,094	6.5	1.1
HDB	185.19	23.6%	3,480	6.6	1.4
VIC	180.81	1.5%	557	80.7	1.2

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-773.00	8.2%	1,433	12.7	1.0
HPG	-329.62	6.9%	1,175	23.8	1.6
MWG	-260.06	0.7%	115	431.1	3.1
MBB	-227.47	23.5%	3,960	5.8	1.2
SSI	-217.99	10.1%	1,531	22.5	2.2

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	42.52	23.5%	3,960	5.8	1.2
HPG	19.83	6.9%	1,175	23.8	1.6
SSI	13.49	10.1%	1,531	22.5	2.2
NVL	9.85	1.3%	311	48.5	0.6
MSN	6.96	1.1%	293	227.7	2.5

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HVN	-11.41	0.0%	(2,678)	-	-
MSB	-9.76	16.0%	2,322	5.7	0.8
VTP	-6.62	25.6%	3,120	21.9	5.3
CTG	-2.63	17.0%	3,706	8.8	1.4
FRT	-2.60	-18.3%	(2,537)	-	11.2

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	777.06	8.2%	1,433	12.7	1.0
FUEVFNVD	342.38	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	317.22	6.9%	1,175	23.8	1.6
MBB	227.79	23.5%	3,960	5.8	1.2
FPT	177.27	23.4%	5,101	21.9	4.7

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-177.37	18.3%	4,094	6.5	1.1
VIX	-145.96	11.6%	1,444	11.8	1.3
EIB	-113.24	10.1%	1,244	13.5	1.3
VRE	-71.30	12.4%	1,940	11.3	1.4
SGN	-68.72	24.3%	6,786	10.6	2.4

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	106.59	1.6%	388	51.5	0.8
MWG	93.64	0.7%	115	431.1	3.1
GMD	92.82	25.5%	7,425	10.8	2.5
DIG	84.31	1.5%	195	147.9	2.2
VND	80.57	13.0%	1,661	11.7	1.4

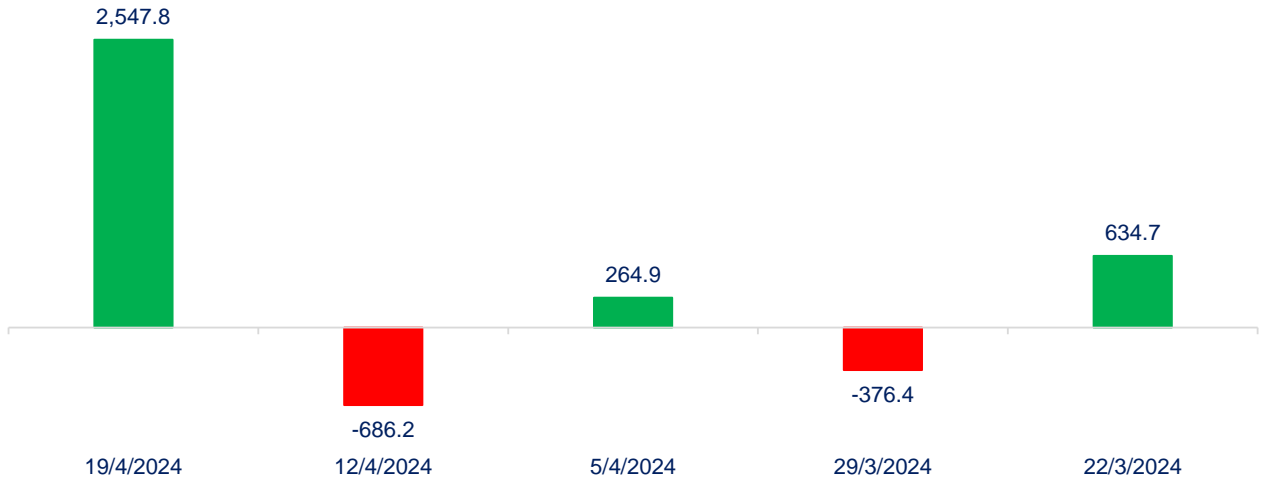
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-680.83	20.2%	7,664	5.5	1.0
FUEVFNVD	-382.24	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	-233.91	17.0%	3,706	8.8	1.4
VIC	-218.34	1.5%	557	80.7	1.2
VRE	-186.23	12.4%	1,940	11.3	1.4

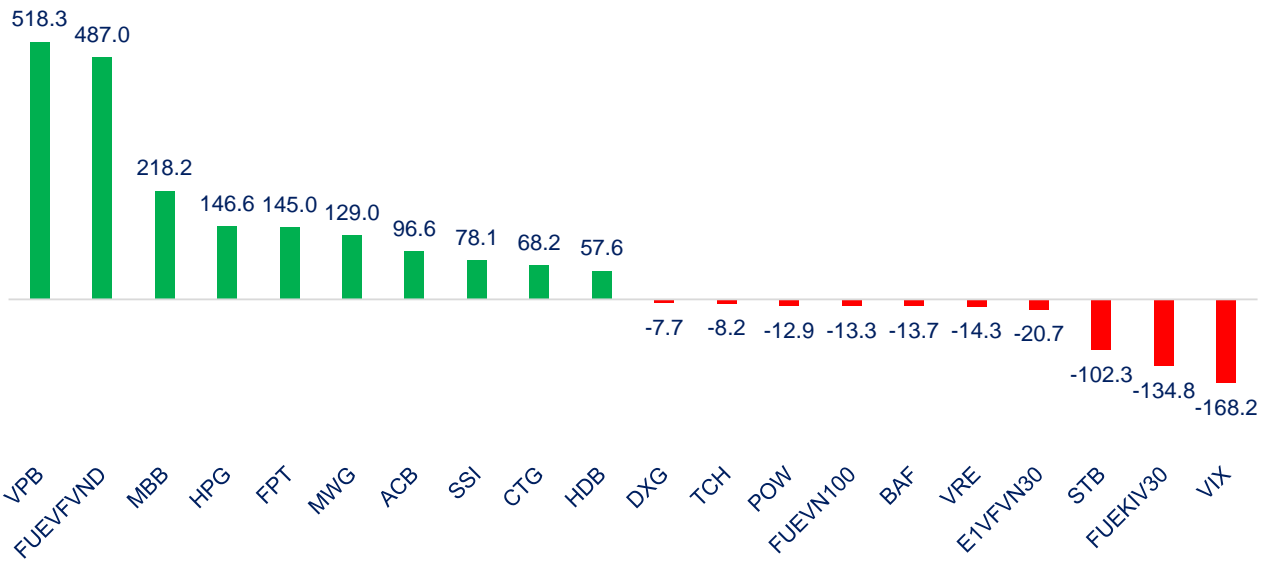




Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
12/1/2024	19/4/2024	18/1/2024	17/1/2024	<b>MBB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
25/1/2024	19/4/2024	19/2/2024	16/2/2024	<b>BDT</b>	Đại hội Cổ đông Bất thường
2/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>BSL</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	19/4/2024	8/3/2024	7/3/2024	<b>ATS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
15/2/2024	19/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>IFS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
6/2/2024	19/4/2024	21/2/2024	20/2/2024	<b>DTV</b>	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/2/2024	19/4/2024	22/3/2024	21/3/2024	<b>TDW</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
15/2/2024	19/4/2024	11/3/2024	8/3/2024	<b>HVT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2024	19/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>LBM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>TVH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>PTX</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	19/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>CMK</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/2/2024	19/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>TQW</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>SGT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
29/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>HHR</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2024	19/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>DDV</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	19/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>SCO</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>EMS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>DXG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2024	19/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>WCS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
27/2/2024	19/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>SFG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/4/2024	14/3/2024	13/3/2024	<b>BMC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>COM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>IJC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2024	19/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>BVB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2024	19/4/2024	18/3/2024	15/3/2024	<b>SBL</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/4/2024	20/3/2024	19/3/2024	<b>HAD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
29/2/2024	19/4/2024	15/3/2024	14/3/2024	<b>HOT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2024	19/4/2024	19/3/2024	18/3/2024	<b>PXL</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2024	19/4/2024	12/3/2024	11/3/2024	<b>PIS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan,  
235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, TP HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---